

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2020/DS-PT**

Ngày: 17 - 9 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản và tranh chấp quyền
sở hữu tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh phong

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thị Thanh Nữ

Ông Ngô Thanh Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Phùng Đức Nam
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 690/TB-TA ngày 06 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 282/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X.

Địa chỉ: Đường A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Đức M, sinh năm 1954

Địa chỉ: Khu phố D, phường E, thành phố F, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Công ty TNHH LK.

Địa chỉ: Đường A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH LK: Ông **Lê Đức M** –
Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Hồ Xuân H**, sinh năm 1962.
(có mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, phường E, thành phố F, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phan Thiên V** –
Luật sư Văn phòng luật sư Phan Thiên V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng
Nai. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Hùng T1, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, phường H, thành phố F, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã J, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Đức M.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đại diện theo pháp luật của Công ty trách
nhiệm hữu hạn dịch vụ, bảo vệ X trình bày:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X (gọi tắt là Công ty TNHH
dịch vụ bảo vệ X) được ông Lê Đức M thành lập vào năm 2006. Vốn điều lệ ban
đầu là 1.000.000.000 đồng, ông M góp 75% và là chủ tịch Hội đồng thành viên
kiêm giám đốc. Năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng và vốn
góp của ông M vẫn chiếm 75%.

Vào ngày 06 tháng 3 năm 2009, ông M nộp vào tài khoản Công ty TNHH
dịch vụ bảo vệ X số tiền 716.770.000 đồng (bảy trăm mười sáu triệu bảy trăm
bảy mươi ngàn đồng) số tiền này chính là vốn góp của ông M vào vốn điều lệ
của Công ty (vốn điều lệ từ 01 tỷ tăng lên 02 tỷ). Sau đó, Công ty TNHH dịch
vụ bảo vệ X đã chuyển số tiền này vào tài khoản của Công ty Toyota Biên Hòa
để mua 01 xe ô tô Fortuner mới 100% với giá là 716.770.000 đồng. Chiếc xe
này đăng ký biển số 60S -12XX, do Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X đứng tên
và sử dụng cho hoạt động của Công ty. Hàng năm đều được khấu hao tài sản,

số tiền khấu hao do Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X hưởng, vì đây là tài sản của Công ty.

Ngày 08 tháng 9 năm 2011, theo hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/2011-HĐCNV, ông Lê Đức M đã chuyển nhượng cho ông T số vốn góp của ông M là 1.140.000.000 đồng (bao gồm cả xe ô tô Fortuner biển số 60S -12XX) tương đương 57% số vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X. Do phần góp vốn của ông T lớn nhất nên ông T là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc của Công ty. Vào ngày 5 tháng 10 năm 2013, ông M chỉ là Giám đốc điều hành Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, không được sự ủy quyền của người đại diện theo pháp luật là ông, đã tự ký hợp đồng bán xe ô tô này cho bà Hồ Xuân H - Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn LK (gọi tắt là Công ty TNHH LK) với giá 100.000.000 đồng mà không có sự đồng ý của ông. Hiện xe này được đăng ký biển số 60A -12XX dưới tên của Công ty TNHH LK. Việc ông Lê Đức M tự ý ký hợp đồng dưới danh nghĩa của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X là không đúng thẩm quyền. Mặt khác, trị giá trên hợp đồng của xe này chỉ có 100.000.000 đồng là không có cơ sở thể hiện sự gian dối, số tiền bán xe cũng không được nộp về cho Công ty. Hợp đồng mua bán này là hợp đồng giả tạo nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X làm của riêng.

Nay, đại diện cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, ông yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe ngày 05 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X do ông Lê Đức M đại diện ký với Công ty TNHH LK do bà Hồ Xuân H đại diện. Buộc ông Lê Đức M và Công ty TNHH LK phải trả chiếc xe ô tô Fortuner hiện mang biển số 60A-120XX cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X. Ông Lê Đức M và Công ty TNHH LK phải bồi thường thiệt hại hao mòn tài sản là chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2013 cho đến ngày đưa vụ án ra xét xử theo quyết định khấu hao tài sản của Nhà nước cho đến nay với số tiền 500.000.000 đồng. Việc Công ty TNHH LK yêu cầu công nhận chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX là của Công ty này, ông không đồng ý.

Bị đơn ông Lê Đức M và Công ty trách nhiệm hữu hạn LK ủy quyền cho bà Hồ Xuân H trình bày:

Tháng 03 năm 2009, Công ty trách nhiệm hữu hạn LK (gọi tắt là Công ty LK) mua chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX với giá 716.000.000 đồng. Ngày 06 tháng 3 năm 2009, ông M là Chủ tịch hội đồng thành viên của Công ty TNHH LK đã nộp tiền vào tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X tại Ngân hàng công thương chi nhánh Nhơn Trạch, cùng ngày chuyển tiền từ Công ty X sang cho Công ty Toyota. Lúc này vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X là 1.000.000.000 đồng. Tháng 08 năm 2009, Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X thay đổi vốn điều lệ từ 1.000.000.000 đồng lên 2.000.000.000

đồng. Lúc này vốn góp của ông M vẫn là 75% tương đương 1.500.000.000 đồng bằng tiền mặt.

Chiếc ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX là của Công ty TNHH LK nhờ Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X đứng tên hộ. Do ông M cũng là người có vốn ở Công ty TNHH LK và Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X nên muốn giảm thuế cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X bằng việc tăng tài sản Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X nên Công ty TNHH LK đã hỗ trợ Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X bằng cách để Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X đứng tên chiếc xe. Từ ngày mua đến nay Công ty TNHH LK (tức ông M) vẫn là người quản lý xe.

Ngày 19 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH LK và Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X có làm bản thỏa thuận cam kết với nội dung xác nhận chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX là xe của Công ty TNHH LK cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X đứng tên mục đích để khấu hao tài sản. Tháng 02 năm 2010, ông M đã đưa sổ sách chứng từ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X cho ông T tham khảo trong đó có nói rõ xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX là của Công ty TNHH LK. Đến ngày 19 tháng 5 năm 2010 thì ông M và ông T làm hợp đồng chuyển nhượng vốn góp là 50% tương đương 1.000.000.000 đồng. Ngày ông M bán xe thì hội đồng thành viên của Công ty X vẫn có đủ 04 thành viên, ông M có trình bày miệng về việc xuất hóa đơn trả xe cho Công ty TNHH LK. Hội đồng thành viên (trong đó có cả ông T) nhất trí không ai có ý kiến.

Ngày 21 tháng 10 năm 2013, ông M mới viết hóa đơn để xuất xe trả cho Công ty TNHH LK. Sau khi viết hóa đơn thì ông M đã đưa cho ông T ký nhưng ông T bảo ông M ký, nên ông M đã ký xuất hóa đơn. Một dấu Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X do ông T giữ từ tháng 07 năm 2010. Ngày 23 tháng 01 năm 2014, họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X giải quyết vấn đề xuất hóa đơn trả xe cho Công ty TNHH LK, Hội đồng thành viên xác nhận việc mượn xe là có thật và đồng ý trả lại xe cho Công ty TNHH LK, không tranh chấp gì.

Nay, nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe ngày 05 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X với Công ty TNHH LK và bồi thường thiệt hại hao mòn xe, Công ty TNHH LK và ông M không đồng ý. Để rõ ràng và đúng về chủ sở hữu tài sản Công ty TNHH LK yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX là của Công ty TNHH LK.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hùng T11 ủy quyền cho bà Hồ Xuân H trình bày:

Năm 2009, ông góp 25% vốn góp vào Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, lúc này Công ty gồm có ông và ông M, ông M sử dụng chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2 – 1288. Khi đó, ông M đã nói cho ông biết xe này là của

bên Công ty TNHH LK cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X đứng tên hộ nhằm giảm thuế. Ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Ông có góp vốn nhưng không tham gia hoạt động của Công ty nên không nắm rõ nguồn thu vào và chi ra. Do đó, năm 2010, ông đã bán bớt phần vốn góp cho anh Đ 12,5%. Ông lấy lại đủ vốn và không tham gia hoạt động của Công ty nữa.

Ông xác nhận chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX là của Công ty TNHH LK cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X đứng tên hộ nhằm giảm thuế cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X. Tiền mua xe là của Công ty TNHH LK.

Ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Năm 2010, ông nhận chuyển nhượng phần vốn góp là 12,5% của ông T1 tính thành tiền là 250.000.000 đồng. Do quen biết với ông M nên vào làm và mua lại vốn chứ không nắm rõ về tài chính của Công ty. Cuối năm khi thống kê lại có lời thì chia không thì thôi. Khi đó đã có chiếc xe đứng tên Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, nhưng ông không rõ nguồn gốc.

Các giấy tờ chứng từ quyết định của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X trước đây là ông M ký sau khi ông M đã nghỉ làm tại Công ty thì ông T ký. Một dấu Công ty do ông T giữ. Cuộc họp hội đồng thành viên ngày 23 tháng 01 năm 2014 để giải quyết vấn đề xuất hóa đơn chiếc xe cho Công ty TNHH LK ông có tham gia và có ký vào biên bản. Ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã căn cứ vào các điều 144, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 122, 127, 128, 129, 428 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ LK và ông Lê Đức M.

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ngày 05 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X với Công ty trách nhiệm hữu hạn LK là vô hiệu.

Hủy hợp đồng mua bán xe ngày 05 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X với Công ty trách nhiệm hữu hạn LK.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn LK và ông Lê Đức M trả lại chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX (biển số mới 60A-120XX) và bồi thường thiệt hại khấu hao tài sản chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX (biển số mới 60A-120XX) với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn LK về việc: “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”.

Công nhận chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX (biển số mới 60A-120XX) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn LK.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X và bác yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH LK.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch có Quyết định số: 844/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, theo hướng hủy bản án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bỏ sót tư cách tố tụng.

- Ý kiến của Luật sư Phan Thiên V, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH LK: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của Công ty TNHH LK.

- *Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát đối với phần bản án bị kháng nghị: kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch không có căn

cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai rút toàn bộ kháng nghị nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị.

Về đề xuất quan điểm giải quyết vụ án đối với phần bản án bị kháng cáo: Kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X không có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, nộp trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định; nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của đương sự.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[1.3] Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng nghị: Quyết định kháng nghị số: 844/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát huyện Nhơn Trạch được ban hành đúng trình tự pháp luật, trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục chung.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai rút quyết định kháng nghị số: 844/QĐKNPT-VKS-DS nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số: 844/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện Nhơn Trạch.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X cho rằng tài sản xe ô tô biển số 60S-12XX (biển số mới là 60A-120XX) là của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X. Việc ông Lê Đức M không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng ông M đứng ra bán tài sản là trái với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 47 Luật doanh nghiệp năm 2005. Vậy cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng mua bán giữa ông Lê Đức M với Công ty TNHH LK vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại các Điều 122, 129 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là buộc Công ty LK là bên mua trả lại xe cho Công ty X và thanh toán giá trị khấu hao là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty TNHH X đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về nguồn gốc tài sản: Ngày 06 tháng 3 năm 2009, ông M nộp số tiền mua xe là 716.770.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X tại Ngân hàng (BL 41, 42). Cùng ngày Công ty TNHH dịch vụ X chuyển số tiền 716.762.000 đồng để thanh toán mua ô tô theo Lệnh chi số 02 (BL 43, 44) cho đơn vị nhận tiền là Doanh nghiệp tư nhân Toyota Biên Hòa. Ông T cho rằng chiếc xe ô tô trên do ông M góp vốn vào Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X. Tuy nhiên, theo “Danh sách thành viên sau khi thay đổi” (BL 196) được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cung cấp thì phần vốn góp của các thành viên vào Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X là tiền Việt Nam, không có góp vốn bằng tài sản. Mặt khác, theo biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X ngày 31 tháng 7 năm 2009, thời điểm thay đổi vốn điều lệ từ 1.000.000.000 đồng lên 2.000.000.000 đồng là ngày 03 tháng 08 năm 2009, trong khi ông M nộp tiền vào tài khoản Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X trước khi thay đổi vốn điều lệ là ngày 06 tháng 03 năm 2009 (BL 41).

Theo biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X ngày 19 tháng 12 năm 2009 đã xác định xe ô tô biển số 60S -12XX (biển số mới 60A-120XX) là của Công ty TNHH LK do ông M làm Giám đốc, nội dung biên bản thể hiện: “... Ông M có quyền lấy lại xe bất kỳ lúc nào khi Công ty TNHH LK có nhu cầu. Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X phải có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng và làm thủ tục bán lại cho Công ty TNHH LK để ông Lê Đức M đăng ký tài sản. Công ty TNHH LK không phải đóng khoản tiền giá thành khi xuất hóa đơn và thuế giá trị gia tăng của giá thành đó. Sự việc này xảy ra trước khi ông T góp vốn vào Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X do đó không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000784 ngày 21 tháng 3 năm 2013, hóa đơn này đã được quyết toán thuế (văn bản số 403 ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thuế huyện Nhơn Trạch (BL 315). Số tiền thuế giá trị gia tăng này do ông M đóng, ông T cũng thừa nhận số tiền thuế ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng 10.000.000 đồng được Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X trừ vào lương của ông Lê Đức M (BL 349).

Theo biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 7 năm 2014, tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai thì bà Nguyễn Thị Ngọc T (là thành viên góp vốn của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X thời điểm năm 2006 đến 2009) cho rằng tài sản Công ty này chỉ có văn phòng làm việc là nhà thuê mượn, trong văn phòng chỉ có hai dàn máy tính loại cũ, 01 máy bộ đàm không sử dụng và 01 máy điện thoại bàn. Cũng theo bà T thì vào năm 2009, ông M có sử dụng 01 xe ô tô loại Fortuner biển số có số đuôi 88, bà không nghe ông M nói đó là xe của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X mà là xe của cá nhân ông M.

Tại biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH X giải quyết hóa đơn bán xe 60S-12XX thì ông T có ý kiến: “Xe được xuất nhưng cho Công ty X

mượn, Công ty LK đòi thì trả lại cho Công ty LK, Công ty X không đòi chiếc xe trên – và sẽ trả lại cho Công ty LK”. Tại phiên tòa, ông T cho rằng sau ký biên bản xong ông là người giữ biên bản này, tuy nhiên từ “nếu” trong biên bản này ai đó xóa đi thì ông không biết và khai nại đây chỉ là “đặt trường hợp là xe của Công ty TNHH LK...”, nhưng ông không có căn cứ gì để chứng minh. Việc này cho thấy ý chí của ông T cũng đã xác nhận là chiếc xe trên của Công ty TNHH LK và đồng ý trả lại. Đồng thời, Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X cũng không có chứng cứ nào chứng minh việc ông M góp vốn vào Công ty TNHH dịch vụ X bằng xe ô tô. Như vậy, có đủ cơ sở xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản của Công ty TNHH LK cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X đứng tên nhằm sử dụng tiền khấu hao tài sản là có cơ sở.

- Về hợp đồng mua bán xe:

Ngày 05 tháng 10 năm 2013, ông Lê Đức M đại diện cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X ký hợp đồng mua bán xe với Công ty TNHH LK. Theo đó Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X bán cho Công ty TNHH LK chiếc xe Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX. Tại thời điểm ký hợp đồng thì ông M không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty nên việc ký kết hợp đồng là không đúng với quy định pháp luật. Mặt khác, theo Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác, thì giao dịch dân sự giả tạo bị vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp quy định đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này”*. Như đã nhận định như trên chiếc xe ô tô là của Công ty TNHH LK, việc ông M ký hợp đồng mua bán xe với Công ty TNHH LK là giả tạo nhằm mục đích Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X trả lại chiếc xe cho Công ty TNHH LK. Do đó, hợp đồng mua bán xe ký kết ngày 05 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X với Công ty TNHH LK là vô hiệu và không giải quyết hậu quả hợp đồng bị vô hiệu này do không có việc giao nhận tài sản trong hợp đồng của cấp sơ thẩm là phù hợp không trái với quy định của pháp luật. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng mua bán chiếc xe trên, đối với yêu cầu trả lại xe và bồi thường khấu hao tài sản chiếc xe trên không có cơ sở nên không chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn:

Cấp sơ thẩm xác định hợp đồng mua bán xe trên bị vô hiệu do giả tạo, che giấu việc giao trả lại xe của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X cho Công ty TNHH LK, nên giao dịch trả lại xe này có hiệu lực và chiếc xe đã được đăng ký biển số mới là 60A-120XX thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn LK. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn LK, công nhận quyền sở hữu cho Công ty này chiếc xe trên là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X không được chấp nhận nên Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với của nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 289; Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 144, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 122, 127, 128, 129, 428 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số: 844/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện Nhơn Trạch.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ X, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ LK và ông Lê Đức M.

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ngày 05 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X với Công ty trách nhiệm hữu hạn LK là vô hiệu.

Hủy hợp đồng mua bán xe ngày 05 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X với Công ty trách nhiệm hữu hạn LK.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ

bảo vệ X yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn LK và ông Lê Đức M trả lại chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX (biển số mới 60A-120XX) và bồi thường thiệt hại khấu hao tài sản chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX (biển số mới 60A-120XX) với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn LK về việc: “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”.

Công nhận chiếc xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 60S2-12XX (biển số mới 60A-120XX) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn LK.

3. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X phải chịu 46.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án 17.250.000 đồng đã nộp (theo biên lai thu tiền số 003710 ngày 10 tháng 7 năm 2015 và biên lai thu tiền số 001925 ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch). Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X phải nộp tiếp 28.800.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn LK phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.700.000 đồng đã nộp (theo biên lai thu tiền số 007636 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch). Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn LK 14.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ X phải chịu 9.011.000 đồng (đã nộp xong).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phong